

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thơ và bà Trần Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Có mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Hà Minh H, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2022, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hà Minh H tự nguyện tiến tới hôn nhân ngày 03/7/2015, theo giấy chứng nhận kết hôn số 109 của UBND xã Nhơn Hải, H1ện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống Hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, tính cách, ông H còn ngoại tình, không chăm lo gia đình khiến cuộc sống hôn nhân không còn Hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa bà và ông H đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông H.

- Về nuôi con khi ly hôn: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Nhật H1, sinh ngày 07/7/2009 và cháu Hà Thị Gia L, sinh ngày 19/8/2013. Hiện cháu H1 đang sống với ông H, còn cháu L đang sống với bà. Bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu L, còn cháu H1 giao cho ông H nuôi và không phải cấp dưỡng nuôi con

cho nhau, được quyền thăm nom con theo pháp luật. Nếu sau này bà hay ông H không có điều kiện nuôi con chung thì đều được quyền xin thay đổi người nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Minh H đã được Tòa án Thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia tố tụng thực hiện quyền nghĩa vụ của mình, nhưng ông H cố tình trốn tránh, từ chối tham gia tố tụng; nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền Hn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Hà Minh H. Về con chung: Giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu L cho bà H trực tiếp nuôi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau do cùng tự nguyện không yêu cầu. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Hà Minh H có địa chỉ cư trú tại Thôn M, xã N, Huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung các bên tranh chấp xuất phát từ mâu thuẫn gia đình dẫn đến xin ly hôn và việc nuôi con; nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Hà Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt lần hai không có lý do; điều này chứng tỏ ông H đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ

đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Hà Minh H là hợp pháp. Sau khi về chung sống do không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Xác minh tại địa phương nơi bà H và ông H cư trú và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp được biết: Quá trình chung sống vợ chồng bà H, ông H không đánh đập gây ồn ào mất trật tự tại địa phương, nên việc vợ chồng mâu thuẫn thế nào địa phương không nắm rõ, chỉ nghe mẹ bà H đề cập vấn đề vợ chồng bà H không thể sống chung. Tuy nhiên, hiện tại bà H và ông H không còn sống chung với nhau; ông H đã đi làm ở địa phương khác thỉnh thoảng mới về lại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Hà Minh H đều vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định lời trình bày của bà H là sự thật và xét thấy: Thực tế tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà H, ông H có 02 con chung là cháu Hà Nhất H1, sinh ngày 07/7/2009 và cháu Hà Thị Gia L, sinh ngày 19/8/2013. Bà H có nguyện vọng được nuôi cháu L và đồng ý giao cháu H1 cho ông H nuôi. Ông H vắng mặt không ghi nhận được ý kiến về việc nuôi con khi ly hôn, nên hậu quả pháp lý ông H phải chịu theo quy định của pháp luật. Mặt khác, hiện cháu H1 đang sống với ông H, còn cháu L là cháu gái hiện đang sống cùng bà H có thu nhập ổn định từ 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H1 cho ông H trực tiếp nuôi và giao cháu L cho bà H trực tiếp nuôi cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân là phù hợp với thực tế và đảm bảo cho các cháu phát triển toàn diện về tâm sinh lý về sau. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà H tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Hà Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định tại khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với ông Hà Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Hà Minh H.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Nhất H1, sinh ngày 07/7/2009 cho ông Hà Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân). Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông H không yêu cầu.

Giao cháu Hà Thị Gia L, sinh ngày 19/8/2013 cho bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc nuôi sống bản thân). Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà H tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn ông Hà Minh H, bà Lê Thị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu ông H, bà H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án Hn chế quyền thăm nom con của nhau.

Khi có căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị H và ông Hà Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006821 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (bà H đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn quyền kháng cáo trong Hn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/8/2022), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời Hn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
 - VKSND H1ện Ninh Hải;
 - CCTHADS H1ện Ninh Hải;
 - Các đương sự;
 - UBND xã N
- (GCNKH số 109 ngày 03/7/2015);
- Lưu HS + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghiêm